

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày: 16 – 01 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy

2. Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thái H, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1993 tại huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

2. Hà Văn T, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1992 tại huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn T và bà Đỗ Thị C (N); Tiền sự: Không; Tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 09/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 19/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 2 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Nhân thân: Bản án số 26/2008/HSST ngày

02/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bản án số 04/2009/HSST ngày 10/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tổng hợp với bản án số 26 buộc bị cáo T phải chấp hành 01 năm 05 tháng 17 ngày tù. Ngày 19/11/2014 Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

3. Ngô Tiến T, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1996 tại huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 55/2013/HSST ngày 24/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “*Trộm cắp tài sản*” (khi phạm tội T 16 tuổi 04 tháng 15 ngày); Ngày 23/4/2014 Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp với 01 năm tù của bản án số 55 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 02 năm tù (khi phạm tội T 17 tuổi 6 tháng 25 ngày).

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

4. Vũ Hoàng A, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1988 tại huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Quốc T và bà Vũ Thị T; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 04/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 2 năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Nhân thân: Ngày 09/11/2013 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm tạm trú, tạm vắng.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

5. Trần Viết Đ, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1990 tại huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Viết D và bà Đỗ Thị S; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 15/9/2017 đến nay. *Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại:

1. Anh Phạm Quốc H – sinh năm 1984 (*Vắng mặt*)

TQ: Thôn H, xã B, huyện K, tỉnh T

2. Chị Lại Thị T – sinh năm 1974 (*Có mặt*)

TQ: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh T

3. Anh Tô Thanh T – sinh năm 1991 (*Có mặt*)

TQ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh T

4. Anh Nguyễn Đức H – sinh năm 1989 (*Có mặt*)

TQ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh T

5. Anh Vũ Tuấn A – sinh năm 1990 (*Vắng mặt*)

TQ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh T

6. Anh Nguyễn Tiến M – sinh năm 1996 (*Vắng mặt*)

TQ: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh T

7. Anh Phạm Văn Q – sinh năm 1993 (*Vắng mặt*)

TQ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

8. Ông Đào Đình N - sinh năm 1957 (*Vắng mặt*)

TQ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh T

9. Chị Vũ Thị T – sinh năm 1972 (*Có mặt*)

TQ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh T

10. Ông Bùi Văn S – sinh năm 1962 (*Có mặt*)

TQ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

11. Ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1960 (*Vắng mặt*)

TQ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

12. Anh Đoàn Văn T – sinh năm 1972 (*Có mặt*)

TQ: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh T

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Đều vắng mặt)*

1. Anh Nguyễn Xuân Q – sinh năm 1992

TQ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh T

2. Anh Nguyễn Quang C – sinh năm 1992

TQ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh T

3. Anh Vũ Tiến D – sinh năm 1989

TQ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh T

4. Anh Hà Lương T – sinh năm 1986

TQ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh T

5. Chị Đào Thị T – sinh năm 1996

TQ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh T

6. Anh Đào Văn Đ – sinh năm 1996

TQ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh T

7. Anh Đào Đắc Đ – sinh năm 1978

TQ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

8. Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1995

TQ: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh T

9. Anh Hoàng Chí C – sinh năm 1988

TQ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh T

- *Người làm chứng: (Vắng mặt)*

Anh Mai Tuấn V – sinh năm 1994

TQ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2017, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người dân, các bị cáo Lê Thái H, Ngô Tiến T, Hà Văn T, Vũ Hoàng A và Trần Viết Đ đã dùng xe mô tô chở nhau đi các tuyến đường trên địa bàn tỉnh T, nếu thấy sơ hở, không có người trông coi thì một đối tượng đứng ngoài cảnh giới, đối tượng còn lại dùng vạm phá khóa và các công cụ chuẩn bị từ trước để phá khóa trộm cắp xe máy. Cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/4/2017, Hà Văn T chở Hoàng A (không nhớ rõ đi xe của ai) đi đến khu vực xã B, huyện K thì phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 17B1 – 731.69 của anh Phạm Quốc H để trước cửa quán cắt tóc gội đầu trước cửa nhà, không có người trông coi. T đứng ngoài, Hoàng A dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó T bán xe cho anh Nguyễn Xuân Q được 3.500.000 đồng và đưa cho Hoàng A 1.700.000 đồng. Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 6.200.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả cho người bị hại.

Vụ 2: Khoảng 12 giờ ngày 22/4/2017, H chở Hoàng A bằng xe nhãn hiệu Exciter của H (xe không biển số, không xác định số khung số máy, H khai mua chiếc xe này của một thanh niên không rõ tên tuổi địa chỉ ở T) đi đến địa phận xã V, K thì phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển số 17M7 – 2630, trị giá 5.500.000 đồng của chị Lại Thị T để trước cửa hàng bán quần áo trẻ em tại nhà. H đứng ngoài, Hoàng A dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó H bán xe cho Trần Viết Đ được 3.500.000 đồng, đưa cho Hoàng A 1.800.000 đồng (Đ không thừa nhận mua chiếc xe này của H). Hiện chiếc xe không thu hồi được. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu bồi thường chiếc xe trị giá 4.000.000 đồng.

Vụ 3: Vũ Hoàng A khai nhận: khoảng 21 giờ ngày 04/5/2017, H chở Hoàng A bằng xe Exciter của H đi đến địa phận xã T, huyện T phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu xanh biển số 17B8-223.47 của anh Tô Thanh T để ở phía trong sân nhà chị Đỗ Thị H, sinh năm 1976 ở thôn T. H đứng ngoài, Hoàng A dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó, không biết H bán xe cho ai được 4.000.000 đồng và đưa cho Hoàng A 2.000.000 đồng (H không thừa nhận tham gia cùng Hoàng A trong vụ này). Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 11.375.000 đồng, tài sản không thu hồi được. Anh T đề nghị bồi thường chiếc xe theo kết luận định giá tài sản.

Vụ 4: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/5/2017, Hà Văn T chở Hoàng A đến địa phận xã T, huyện K phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α biển số 17B7-09164 trị giá 10.500.000 đồng của anh Nguyễn Đức H để trước cửa nhà. T đứng ngoài, Hoàng A dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó Hoàng A bán xe cho anh Nguyễn Quang C được 5.000.000 đồng, số tiền Hoàng A chia cho T một nửa. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản, người bị hại đề nghị nhận lại xe.

Vụ 5: Khoảng 12 giờ ngày 07/6/2017, Đ chở Hà Văn T đi đến địa phận xã Đ, huyện T phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX biển số 25B1 – 07451 trị giá là 16.000.000 đồng của anh Vũ Tuấn A để trong quán cắt tóc của gia đình, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Đ đứng ngoài, T vào trộm cắp chiếc xe. Sau đó T và Đ bán xe cho anh Vũ Tiến D được 4.500.000 đồng chia đôi. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả cho người bị hại.

Vụ 6: Tối 07/6/2017, Đ chở Hà Văn T đi đến địa phận xã L, huyện K, phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển số 17F3 – 6714 trị giá 4.000.000 đồng của anh Nguyễn Tiến M đang dựng trước cửa quán nước Hậu Loan ở thôn T, xã L. Đ đứng ngoài, T dùng vạm mở khoá trộm cắp xe máy. Sau đó, T gọi điện cho V Tiến D, sinh năm 1989, trú tại thôn V, xã T, T nói có xe nhãn hiệu Dream bán nên anh Dũng đã gọi anh Hà Lương T, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã T đến mua xe với giá 3.500.000 đồng. Số tiền bán xe T và Đ chia đôi. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả cho người bị hại.

Vụ 7: Tối 19/6/2017, Hoàng A chở H bằng xe Exciter của H đi đến địa phận xã Đ, huyện Đ thì phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển số 17B1-365.29 trị giá 8.750.000 đồng của anh Phạm Văn Q để trước cửa nhà của Ban quản lý dự án công ty dịch vụ P. Hoàng A đứng ngoài, H dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó H bán xe cho chị Đào Thị T được 4.500.000 đồng. Số tiền bán xe H và Hoàng A chia đôi. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản, người bị hại đề nghị nhận lại xe.

Vụ 8: Khoảng 15 giờ ngày 20/6/2017, H và Ngô Tiến T rủ nhau đi trộm cắp xe máy. Sau đó, bạn của H là anh Mai Tuấn V, sinh năm 1994 trú tại thôn C, xã T, huyện T đến nhà H. H rủ V: “Đi chơi không”, V đồng ý. Sau đó V điều khiển xe máy Exciter của H chở H và T. H hướng dẫn V đi đến địa phận xã T, huyện T thì H phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển số 37F4-2886 trị giá 3.000.000 đồng của ông Đào Đình N để ở trước cửa khu xử lý rác thôn H, xã T, H chỉ tay nói: “Đi đến chỗ chiếc xe máy kia” thì V điều khiển đi cách chiếc xe khoảng 10 mét, H bảo V dừng xe lại rồi xuống xe. Do ngỡ cụt nên V quay đầu xe rồi V và T ngồi trên xe. Còn H đi bộ đến chỗ chiếc xe máy Dream rồi dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Khi thấy H điều khiển xe Dream đi vượt qua thì V điều khiển xe máy Exciter chở T đi sau về nhà H. Tại đây, V đi ra vườn nhà H xem gà chọi. Còn T và H tháo biển số xe máy, T mang biển số xe Dream đi vứt ở bãi rác xã T, H dùng búa và cây đục sắt đục số khung số máy của xe. Sau đó H gọi điện cho anh Đào Văn Đ đến nhà bán xe cho anh Đ với giá 4.000.000 đồng thì anh Đ mới đưa cho H 2.500.000 đồng, H đưa cho T 1.300.000 đồng và sáng hôm sau anh Đ mới đến trả nốt cho H 1.500.000 đồng. Anh Đ đã bán lại chiếc xe cho anh Đào Đắc Đ, sau đó Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả cho người bị hại.

Vụ 9: Khoảng 19 giờ ngày 22/7/2017, Ngô Tiến T chở H bằng xe máy Excier của H đi đến địa phận xã T, huyện T thì phát hiện 01 chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 17B6 – 107.31 trị giá 12.000.000 đồng của chị Vũ Thị T để ở vỉa hè trước cửa hàng bán quần áo của chị T ở thôn B, xã T. T đứng ngoài, H dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó T bán xe cho anh Nguyễn Văn Q được 4.000.000 đồng. Số tiền bán xe T và H chia đôi. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản, người bị hại đề nghị nhận lại xe.

Vụ 10: H khai khoảng 09 giờ ngày 31/7/2017, Hoàng A chở H bằng xe Exciter của H đến địa phận xã Đ, huyện Đ thì phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha biển số 17B1 – 359.41 của ông Bùi Văn S để tại sân đình Miếu thuộc thôn T, xã Đ, huyện Đ. Hoàng A đứng ngoài, H dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó Hoàng A bán cho ai thì H không biết nhưng Hoàng A đưa cho H 1.700.000 đồng (Hoàng A không thừa nhận tham gia cùng H vụ trộm cắp này). Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 7.310.000 đồng, tài sản không thu hồi được. Ông S đề nghị bồi thường chiếc xe theo kết luận định giá tài sản.

Vụ 11: Khoảng 18 giờ ngày 02/08/2017, Hoàng A chở H bằng xe Exciter của H đến địa phận xã Đ, huyện Đ thì phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha biển số 17N3 – 3508 của ông Nguyễn Văn N để ở ven đường. Hoàng A đứng ngoài, H dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó Hoàng A và H bán xe cho anh Nguyễn Quang C được 3.500.000 đồng, số tiền bán được cả hai chia đôi. Giá trị tài sản theo kết luận định giá là 4.760.000 đồng, tài sản không thu hồi được. Ông N đề nghị bồi thường chiếc xe theo kết luận định giá tài sản.

Vụ 12: Khoảng 18 giờ ngày 04/8/2017, Ngô Tiến T chở H bằng xe Exciter của H đi đến địa phận xã Đ, huyện T thì phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream biển số 29H4 – 3774 trị giá 10.150.000 đồng của anh Đoàn Văn T để ở nghĩa trang thôn L. T đứng ngoài, H dùng vạm phá khoá trộm cắp chiếc xe. Sau đó, H bán xe cho anh Hoàng Chí C được 4.000.000 đồng, số tiền bán được cả hai chia đôi. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản, người bị hại đề nghị nhận lại xe.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thái H, Hà Văn T, Ngô Tiến T, Vũ Hoàng A và Trần Viết Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Riêng bị cáo Lê Thái H không thừa nhận tham gia lần trộm cắp chiếc xe máy của anh Tô Thanh T tại xã T huyện T, tỉnh T và bị cáo Vũ Hoàng A không thừa nhận tham gia lần trộm cắp chiếc xe máy của ông Bùi Văn S tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

Bản cáo trạng số 54/KSĐT ngày 27/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố bị cáo Lê Thái H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Hà Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 và truy tố các bị cáo Ngô Tiến T, Vũ Hoàng A và Trần Viết Đ về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Lê Thái H từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Hà Văn T từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Vũ Hoàng A từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Ngô Tiến T từ 01 năm 6 tháng đến 2 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Trần Viết Đ từ 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận việc những bị hại đã nhận lại tài sản, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện giao nộp lại tài sản và đều không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

- Buộc các bị cáo Lê Thái H và Vũ Hoàng A liên đới bồi thường cho chị Lại Thị T số tiền 4.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Văn N số tiền 4.760.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Thái H phải bồi thường cho ông Bùi Văn S số tiền 7.310.000 đồng.

- Buộc Vũ Hoàng A phải bồi thường cho anh Tô Thanh T số tiền 11.375.000 đồng.

- Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền bán xe trộm cắp của anh H, anh Q, chị T và ông T để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 04 chiếc xe máy đã được cơ quan điều tra thu hồi cho những bị hại là anh Nguyễn Đức H, anh Phạm Văn Q, chị Vũ Thị T và anh Đoàn Văn T; Tịch thu chiếc xe máy Exciter của bị cáo Lê Thái H là phương tiện phạm tội để hóa giá sung quỹ Nhà nước; Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng khác là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội.

Các bị cáo đều nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc các bị cáo thành khẩn khai báo, áp dụng với các bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Những bị hại tham gia phiên tòa đều nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đối với các bị cáo. Anh Nguyễn Đức H, chị Vũ Thị T đều yêu cầu được nhận lại tài sản đã được thu hồi và không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự. Anh T và ông S đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết bồi thường trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật. Riêng chị T chỉ yêu cầu hai bị cáo Lê Thái H và Vũ Hoàng A phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị số tiền 4.000.000 đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều biết hành vi phạm tội của mình là sai, trái pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2017, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của người dân, các bị cáo Lê Thái H, Hà Văn T, Vũ Hoàng A, Ngô Tiến T và Trần Viết Đ đã dùng các công cụ phá khóa chuẩn bị từ trước, 12 lần thực hiện hành vi trộm cắp xe máy trên địa bàn tỉnh T với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 99.545.000 đồng. Trong đó Lê Thái H thực hiện 7 vụ, tổng giá trị tài sản trộm cắp 51.470.000 đồng, Vũ Hoàng A thực hiện 6 vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp 47.085.000 đồng, Ngô Tiến T thực hiện 3 vụ, tổng giá trị tài sản trộm cắp 25.150.000 đồng, Hà Văn T thực hiện 4 vụ tổng giá trị tài sản trộm cắp 36.700.000 đồng, Trần Viết Đ thực hiện 2 vụ tổng giá trị tài sản trộm cắp 20.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội "Trộm cắp tài sản" thì:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Tái phạm nguy hiểm;*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng."

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thái H, Hà Văn T, Vũ Hoàng A, Ngô Tiến T và Trần Viết Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại giai đoạn điều tra, là chứng cứ buộc tội lẫn nhau; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của các bị hại; và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra còn được chứng minh bằng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường do cơ quan điều tra lập; Các bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự; Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Kết luận giám định; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu....

[4] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Thái H đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Hà Văn T đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 và các bị cáo Ngô Tiến T, Vũ Hoàng A và Trần Viết Đ đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, qua so sánh thấy mức hình phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 bằng với mức hình phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục áp dụng các điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Các bị cáo phạm tội đa số có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự về các tội xâm phạm sở hữu và trật tự an toàn xã hội, tạo thành một nhóm, có sự chuẩn bị trước công cụ phạm tội và thực hiện liên tiếp nhiều vụ trộm cắp xe máy trong một khoảng thời gian ngắn bất kể thời gian ngày hay đêm. Sau khi lấy được tài sản, các bị cáo tháo biển, thay đổi một số chi tiết của xe rồi bán cho người khác để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng với các bị cáo mức hình phạt tương xứng, phù

hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cố ý cùng nhau thực hiện tội phạm và có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự:

Đối với Lê Thái H là người giữ vai trò thứ nhất, bị cáo tham gia thực hiện 07 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 51.470.000 đồng, là người chuẩn bị phương tiện, công cụ phạm tội, chở các bị cáo đi phạm tội, trực tiếp dùng vạm phá khóa trộm cắp xe máy và mang xe đi tiêu thụ. Bị cáo thực hiện hành vi tích cực, mặc dù nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng cần thiết phải buộc bị cáo chịu mức án cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

Bị cáo Hà Văn T thực hiện hành vi tích cực, tham gia trộm cắp 4 vụ với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 36.700.000 đồng. Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội "*Trộm cắp tài sản*", chưa được xóa án tích, bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung "*Tái phạm nguy hiểm*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 và nhiều lần bị kết án và xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sở hữu, vậy mà bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện ý thức cải tạo kém, coi thường pháp luật nên cần phải áp dụng với bị cáo mức án tương đương với bị cáo H.

Bị cáo Vũ Hoàng A giữ vai trò thứ ba, cùng H và các đồng phạm khác tham gia trộm cắp 6 chiếc xe máy với tổng giá trị là 47.085.000 đồng, vừa là người trực tiếp vào lấy tài sản vừa là người mang xe đi bán. Bản thân HA có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "*Gây rối trật tự công cộng*", mới chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp "*Tái phạm*" nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 và chịu mức hình phạt chỉ sau bị cáo H và T.

Các bị cáo Ngô Tiến T và Trần Viết Đ tham gia đồng phạm với vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo T tham gia trộm cắp 03 chiếc xe máy với giá trị 25.150.000 đồng, bị cáo Đ tham gia trộm cắp 02 chiếc xe máy với giá trị 20.000.000 đồng. Xét nhân thân, Trần Viết Đ là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Năm 2013 và 2014, bị cáo Ngô Tiến T đã hai lần bị kết án về tội "*Trộm cắp tài sản*" khi chưa đủ 18 tuổi, áp dụng các quy định có lợi cho người chưa thành niên phạm tội theo Bộ luật Hình sự 2015, bị cáo không bị coi là có tiền án nhưng vẫn thể hiện nhân thân xấu. Do đó bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn Trần Viết Đ.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hà Văn T, Vũ Hoàng A, Ngô Tiến T và Trần Viết Đ đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*Phạm tội nhiều lần*"

quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo các lần trộm cắp xe máy nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Trần Viết Đ ra đầu thú nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Đối với những bị hại là các anh Phạm Quốc H, anh Vũ Tuấn A, anh Nguyễn Tiến M và ông Đào Đình N bị mất trộm xe máy nhưng đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại tài sản bị mất, những người này không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với trường hợp chị Lại Thị T, anh Tô Thanh T, ông Bùi Văn S và ông Nguyễn Văn N là những bị hại bị mất trộm xe, xe không thu hồi được và yêu cầu được bồi thường giá trị chiếc xe bị mất theo kết luận định giá tài sản, cần buộc các bị cáo tham gia thực hiện trộm cắp có trách nhiệm liên đới bồi thường cho những bị hại. Cụ thể:

+ Buộc Lê Thái H và Vũ Hoàng A có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Lại Thị T số tiền 4.000.000 đồng; chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng.

+ Buộc Vũ Hoàng A phải bồi thường cho anh Tô Thanh T số tiền 11.375.000 đồng;

+ Buộc Lê Thái H phải bồi thường cho ông Bùi Văn S số tiền 7.310.000 đồng;

+ Buộc Lê Thái H và Vũ Hoàng A phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 4.760.000 đồng; chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 2.380.000 đồng.

- Những bị hại là các anh Nguyễn Đức H, anh Phạm Văn Q, chị Vũ Thị T và anh Đoàn Văn T đều đề nghị được nhận lại xe đã bị các bị cáo trộm cắp và không có yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự, cần chấp nhận trả lại xe cho các bị hại.

- Đối với những người đã mua xe của các bị cáo mà không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, sau đó đã tự nguyện nộp lại cho cơ quan điều tra để trả lại chủ sở hữu, họ đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại giai đoạn điều tra đều trình bày không

yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền những người này đã bỏ ra để mua xe, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý:

- 02 bộ công cụ gồm 2 tay công kim loại hình chữ "T", 06 đầu văm; 02 cà-lê bằng kim loại cỡ 8mm và cỡ 10-12mm, đây là công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội, cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ đen, không có biển kiểm soát, số khung, số máy của xe không xác định được thu của Lê Thái H, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu và hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 04 xe mô tô các loại thu của anh Nguyễn Quang C, chị Đào Thị T, anh Nguyễn Văn Q và anh Hoàng Chí C, đây là tài sản hợp pháp của các bị hại, cần trả lại cho chủ sở hữu.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2017 (BL 771).

[10] Đối với anh Mai Tuấn V có đi cùng các bị cáo T và H nhưng việc bàn bạc trộm cắp tài sản chỉ có H và T biết, thực hiện. Quá trình chở T và H đi theo sự chỉ dẫn của H, anh V không biết là đi trộm cắp. Số tiền bán xe các bị cáo cũng không chia cho anh V. Do đó, không có đủ căn cứ để xử lý anh V.

[11] Về án phí: Các bị cáo Lê Thái H, Hà Văn T, Vũ Hoàng A, Ngô Tiến T và Trần Viết Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Lê Thái H và Vũ Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thái H, Hà Văn T, Vũ Hoàng A, Ngô Tiến T và Trần Viết Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Lê Thái H 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Hà Văn T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Vũ Hoàng A 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Ngô Tiến T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Trần Viết Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Buộc Lê Thái H và Vũ Hoàng A có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Lại Thị T, sinh năm 1974, trú tại thôn B, xã V, huyện K, tỉnh T số tiền 4.000.000 đồng; chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng.

- Buộc Vũ HA phải bồi thường cho anh Tô Thanh T, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh T số tiền 11.375.000 đồng;

- Buộc Lê Thái H phải bồi thường cho ông Bùi Văn S, sinh năm 1962, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T số tiền 7.310.000 đồng;

- Buộc Lê Thái H và Vũ Hoàng A phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T số tiền 4.760.000 đồng; chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 2.380.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Lê Thái H phải chịu trách nhiệm bồi thường là 11.690.000 đồng, Vũ Hoàng A phải bồi thường số tiền 15.755.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn xin thi hành án đối với khoản tiền bồi thường trên, bị cáo có trách nhiệm phải trả, nhưng chưa trả thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận, thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu và tiêu hủy 02 bộ công cụ gồm 2 tay công kim loại hình chữ "T", 06 đầu văm; 02 cà-lê bằng kim loại cỡ 8mm và cỡ 10-12mm.

- Tịch thu và hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ đen, không có biển kiểm soát, số khung, số máy của xe không xác định được thu của bị cáo Lê Thái H.

- Trả lại cho anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, xe không có biển kiểm soát, số khung RLHHC...Y...3..., Số máy HC12E-... thu của anh Nguyễn Quang C.

- Trả lại cho anh Phạm Văn Q, sinh năm 1993, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius RC màu đỏ đen trắng, không có biển kiểm soát, số khung, số máy không xác định được thu của chị Đào Thị T.

- Trả lại cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1972, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh T 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius xanh không có biển kiểm soát, số khung, số máy không xác định được thu của anh Nguyễn Văn Q.

- Trả lại cho anh Đoàn Văn T, sinh năm 1972, trú tại thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh T 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Dream màu nâu đỏ, xe không có biển kiểm soát, số khung không xác định được, số máy HA50E-00...6 thu của anh Hoàng Chí C.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2017 (BL 771).

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lê Thái H, Hà Văn T, Vũ Hoàng A, Ngô Tiến T và Trần Viết Đ phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thái H phải nộp 584.500 đồng; Vũ Hoàng A phải nộp 787.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, những bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/01/2018. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo –trại tạm giam;

- VKSND tỉnh T;

- Bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Người liên quan;*
- *CA tỉnh;*
- *Sở tư pháp;*
- *Lưu hồ sơ;*

Tô Thị Lý